

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
QUÝ III NĂM 2011

Mẫu số B 02 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết Minh	Quý III		Lũy kế	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	140.434.009.400	101.737.279.960	516.672.122.118	708.363.191.098
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-	5.477.995.460	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10	26	140.434.009.400	101.737.279.960	511.194.126.658	708.363.191.098
4.	Giá vốn hàng bán	11	27	126.515.371.501	80.267.750.304	448.625.400.103	614.343.863.950
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cc dịch vụ	20		13.918.637.899	21.469.529.656	62.568.726.555	94.019.327.148
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	7.196.931.849	2.587.833.042	28.027.618.074	3.795.317.942
7.	Chi phí hoạt động tài chính	22	29	6.951.806.808	4.235.720.539	42.136.134.014	16.418.795.718
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.495.298.602	4.085.794.463	36.080639.739	12.429.492.334
8.	Chi phí bán hàng	24		345.958.498	943.497.188	1.278.705.050	2.181.852.998
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.656.975.455	2.218.607.526	11.665.037.419	6.854.592.334
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.160.828.987	16.659.537.445	35.516.468.146	72.359.404.040
11	Thu nhập khác	31	30	200.000	928.938	3.736.568.518	149.435.989
12	Chi phí khác	32	31	11.944.000	110.625.975	2.989.843.044	244.900.994
13	Lợi nhuận khác	40		-11.744.000	-109.697.037	746.725.474	-95.465.005
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.149.084.987	16.549.840.408	36.263.193.620	72.263.939.035
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	1.787.218.923		6.609.514.742	13.915.683.104
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-12.064.824		-36.194.472	
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập Doanh nghiệp	60		8.373.930.888	16.549.840.408	29.689.873.350	58.348.255.931



Nguyễn Đình Trạc

Gia Lai, ngày 22 tháng 10 năm 2011

Kế Toán Trưởng

Nguyễn Thanh Tùng

Người Lập biểu

Trần Thị Tinh Tú